

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 06-01- 2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 và bà Phan Thị V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp X, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp X, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị V trình bày:**

Vào 2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn D (gọi tắt là D) và bà Phan Thị V (gọi tắt là V) có tham gia chơi hụi do bà Phan Thị T (gọi tắt là T). Đến năm 2018 vợ chồng

ông D bà V hốt hụi được số tiền 52.000.000 đồng. Sau khi vợ chồng ông D bà V hốt được hụi thì bà T hỏi mượn lại số tiền vừa hốt hụi của vợ chồng ông D bà V. Tuy nhiên sau khi mượn tiền bà T không trả nợ và đến ngày 24/02/2020 thì bà T mới viết tờ cam kết trả nợ. Thời điểm viết tờ cam kết các bên cân trừ tiền thảo và một số tiền nợ lật vặt các bên chốt lại là bà T còn nợ của vợ chồng ông D bà V 42.720.000 đồng. Bà T hứa đến tháng 4 năm 2020 sẽ trả 10.000.000 đồng còn lại mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên sau đó bà T chỉ trả được 5.000.000 đồng và đến nay không thực hiện trả nợ mặc dù vợ chồng ông D bà V đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ.

Nay vợ chồng ông D bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số nợ 37.720.000 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**Bà Phan Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.**

**Kết quả thu thập chứng cứ:**

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 tờ cam kết lập ngày 24/02/2020, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

**Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:**

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Vợ chồng ông D bà V xác định bà T có nợ 37.720.000 đồng, bà T không có ý kiến phản hồi.

**Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T trả cho vợ chồng ông D bà V số tiền 37.720.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự mượn tiền (là hình thức cho vay tiền không có lãi suất – từ địa phương) và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà T.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D bà V, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông D bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ 37.720.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện vợ chồng và ông D bà V cung cấp chứng cứ là 01 tờ cam kết lập ngày 24/02/2020 thể hiện sự xác nhận của bà T đã xác nhận có nợ của vợ chồng bà V và ông D 42.720.000 đồng và hứa trả nợ như lời vợ chồng ông D đã trình bày. Tuy nhiên, vợ chồng ông D bà V xác định sau khi các bên làm cam kết bà T có trả được 5.000.000 đồng và hiện còn nợ 37.720.000 đồng. Việc bà T không thực hiện trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng ông D bà V khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự buộc bà

T trả cho vợ chồng ông D bà V số tiền 37.720.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vợ chồng bà V và ông D không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà T phải nộp án phí là:  $37.720.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.886.000 \text{ đồng}$ .

Vợ chồng ông D bà V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 943.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị V.

Buộc bà Phan Thị T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị V số tiền 37.720.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Văn D không có yêu cầu nên không xem xét.

**2.** Về án phí vụ kiện: Bà Phan Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.886.000 đồng (một triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Văn D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 943.000 đồng (chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004987 ngày 06/10/2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/01/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Thị Thơm**